

Số: 208/2019/DS-PT

Ngày: 23/7/2019

V/v: “*Tranh chấp Hợp đồng đặt cọc*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thu Nam.

Các Thẩm phán: Ông Đỗ Minh Hoàng

Ông Vũ Toàn Giang

Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Hương Lan, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội: Bà Trịnh Thu Tân - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 23 tháng 7 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 114/2019/TLPT-DS ngày 22 tháng 3 năm 2019 về việc “*Tranh chấp Hợp đồng đặt cọc*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 33/2018/DS-ST, ngày 15/11/2018 của Tòa án nhân dân quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 194/2019/QĐ-PT ngày 10 tháng 6 năm 2019 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Thanh H, sinh năm 1962

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: số 52 ngách 186, ngõ 82 Kim Mã, phường Kim Mã, quận Ba Đình, Hà Nội.

Địa chỉ: Số 51 ngách 45 ngõ 194 phố Đội Cấn, phường Đội Cấn, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội (*bà H có mặt tại phiên tòa*).

Bị đơn:

1. Ông Ngô Tuấn C, sinh năm 1964

2. Bà Lâm Thị Thanh M, sinh năm 1964

Cùng đăng ký HKTT: Số 19 tổ 18 Tập thể Văn công quân đội, phường Mai Dịch, quận Cầu Giấy, Hà Nội

Nơi ở hiện nay: Phòng 2513 nhà 27A3 khu đô thị thành phố Giao Lư, phường Cổ Nhuế 1, quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội (ông C, bà M đều vắng mặt tại phiên tòa).

Người đại diện theo ủy quyền của ông C, bà M: là ông Bùi Doãn Sâm, sinh năm 1971, CMTND số: 090562872, Công an tỉnh Thái Nguyên cấp ngày 01/10/2011; Địa chỉ liên hệ: Phòng 703 tầng 7 số 272 Khương Đình, Thanh Xuân, Hà Nội (theo Giấy ủy quyền ngày 17/7/2019 được chứng thực tại UBND xã Trung Hội, huyện Định Hóa, tỉnh Thái Nguyên).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập:

Công ty Cổ phần ĐC (tên gọi cũ là Công ty cổ phần tư vấn đầu tư xây dựng và thương mại ĐC).

Trụ sở: Ngõ 153 phố Tân Phong, phường Xuân Đình, quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội

Người đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Tuấn C - Chủ tịch HĐQT

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Bùi Doãn Sâm, sinh năm 1971, CMTND số: 090562872, Công an tỉnh Thái Nguyên cấp ngày 01/10/2011; địa chỉ liên hệ: Phòng 703 tầng 7 số 272 Khương Đình, Thanh Xuân, Hà Nội (theo Giấy ủy quyền ngày 15/7/2019 của Công ty cổ phần ĐC).

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của Công ty cổ phần ĐC: ông Trần Tuấn Anh và ông Nguyễn Thanh Tùng, đều là Luật sư Công ty Luật Minh Bạch thuộc Đoàn Luật sư thành phố Hà Nội (Đều có mặt tại phiên tòa).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long do ông Ung Văn Hùng làm Chánh án (vắng mặt).

Trụ sở: Số 42 Phạm Thái Bường, phường 4, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long.

2. Sở Giao thông vận tải tỉnh Vĩnh Long (vắng mặt).

Trụ sở: Số 83 đường 30/4, phường 01 thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long.

Người đại diện theo pháp luật: ông Nguyễn Văn Liệt - Giám đốc (có văn bản đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn - bà Nguyễn Thị Thanh H trình bày:

Bà được người quen giới thiệu ông Ngô Tuấn C cùng vợ là bà Lâm Thị Thanh M, là chủ sở hữu nhà và quyền sử dụng đất tại số 19 Tổ 18 Khu Văn công

quân đội, phố Mai Dịch, phường Mai Dịch, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội, theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà và quyền sử dụng đất số BC 007691 do Ủy ban nhân dân quận Cầu Giấy cấp ngày 15/07/2010 và cần bán nhà để lấy tiền làm ăn. Do có nhu cầu mua nhà nên bà đã đến xem nhà và ngày 27/9/2011 bà cùng vợ chồng ông C, bà M ký Hợp đồng đặt cọc số 37/2011/HĐĐC về việc đặt cọc mua bán nhà đất của ông C, bà M tại địa chỉ nêu trên. Nội dung hợp đồng thỏa thuận: Ông Cường và bà M cam kết bán nhà và quyền sử dụng đất số 19 Tổ 18 Khu Văn công quân đội, phố Mai Dịch cho bà với giá 7.000.000.000đồng. Bà đã đặt cọc cho việc thực hiện mua bán và ông C, bà M đã nhận của bà 3.000.000.000 đồng và có trách nhiệm giao nhà cho bà chậm nhất vào ngày 27/12/2011. Gần đến ngày hẹn mà chưa thấy giao nhà, bà đi tìm hiểu thì được biết ông C, bà M đã bán nhà này cho người khác từ ngày 31/11/2011.

Bà đã tìm gặp và yêu cầu ông C, bà M trả lời về việc làm nêu trên. Vợ chồng ông C đã nhiều lần hứa hẹn trả lại tiền cho bà nhưng đều không thực hiện. Tại Giấy cam kết hai bên ngày 04/12/2013, ông C, bà M xác nhận đã sử dụng tiền đặt cọc của bà để thi công Dự án xây dựng đường tỉnh lộ 907 của Tỉnh Vĩnh Long do Công ty cổ phần tư vấn đầu tư xây dựng và thương mại ĐC nay là Công ty Cổ phần ĐC DC (gọi tắt là Công ty ĐC) làm nhà thầu đồng thời cam kết sẽ thanh toán số tiền 2.300.000.000đồng trong tháng 12/2013 bằng nguồn tiền do chủ đầu tư dự án là Sở giao thông vận tải tỉnh Vĩnh Long thanh toán. Tuy nhiên, ông C và bà M đã không thực hiện thanh toán như thỏa thuận.

Tại cuộc họp ngày 15/4/2015 do Sở Giao thông vận tải tỉnh Vĩnh Long tổ chức, có đại diện của Sở giao thông vận tải tỉnh Vĩnh Long, bà Lâm Thị Thanh M (Phó giám đốc Công ty ĐC) cùng với bà H tham gia họp để giải quyết công nợ. Theo thỏa thuận tại cuộc họp thì Sở giao thông vận tải tỉnh Vĩnh Long sẽ trả cho Công ty ĐC số tiền thi công để ông C, bà M trả lại cho bà số tiền nêu trên. Khi Sở giao thông tỉnh Vĩnh Long giải ngân đợt 1 cho Công ty ĐC thì ông C bà M không trả đủ cho bà như đã cam kết là 1.500.000.000 đồng mà chỉ trả 1.200.000.000 đồng. Vì vậy bà đã có công văn yêu cầu chủ đầu tư ngừng giải ngân và có đơn khởi kiện đến Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long, yêu cầu buộc ông C, bà M phải trả cho bà số tiền còn thiếu là 2.124.000.000đồng bao gồm 1.800.000.000đồng tiền gốc và số tiền lãi 324.000.000đồng. Bà đề nghị phong tỏa tài khoản của Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông mở tại kho bạc Nhà nước tỉnh Vĩnh Long thanh toán kinh phí xây lắp gói thầu số 81, 82 thuộc dự án đầu tư xây dựng

đường tỉnh 907 với số tiền 2.124.000.000đồng của Công ty ĐC. Ngày 26/01/2016, Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long đã ra Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 178/2016/QĐBPCKTT để phong tỏa số tiền 2.198.480.000 đồng của Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông thuộc Sở Giao thông vận tải tỉnh Vĩnh Long mở tại Kho bạc Nhà nước tỉnh Vĩnh Long. Để đảm bảo cho việc yêu cầu phong Tỏa tài khoản, bà đã phải nộp số tiền 1.800.000.000đồng vào tài khoản phong tỏa tại Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng theo yêu cầu của Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long.

Đến nay bà yêu cầu Tòa án buộc ông C, bà M phải trả số tiền còn thiếu và thực hiện nghĩa vụ như đã cam kết trong Hợp đồng đặt cọc số 37/2011/HĐĐC ngày 27/9/2011. Bà đề nghị được nhận số tiền 2.198.480.000đồng của Công ty ĐC hiện đang bị phong tỏa tại tài khoản số 3741.0.9007209.92999 của Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông thuộc Sở giao thông vận tải tỉnh Vĩnh Long mở tại Kho bạc Nhà nước tỉnh Vĩnh Long để khấu trừ một phần nợ theo yêu cầu. Số tiền còn thiếu, ông C và bà M phải có trách nhiệm thanh toán trả cho bà.

Bị đơn ông Ngô Tuấn C, bà Lâm Thị Thanh M và người đại diện theo uỷ quyền của bị đơn trình bày:

Giao dịch giữa vợ chồng ông C, bà M với bà H là quan hệ vay nợ vì thời điểm đó ông C, bà M cần tiền để phục vụ hoạt động của Công ty ĐC do ông C là người đại diện theo pháp luật, còn bà H là Phó giám đốc Công ty, giúp việc cho chồng.

Tháng 9 năm 2011, bà H đồng ý cho vợ chồng ông, bà vay số tiền 3.000.000.000đồng với lãi suất 10%/tháng nhưng phải ký hợp đồng đặt cọc mua nhà đất tại địa chỉ số 19, Tổ 18 tập thể Văn Công Quân Đội, Mai Dịch, Cầu Giấy, Hà Nội để đảm bảo cho khoản vay, vì vậy ngày 27/9/2011 ông C, bà M đã ký Hợp đồng đặt cọc số 37/2011/HĐĐC về việc đặt cọc mua bán nhà đất nêu trên, Hợp đồng được công chứng tại Văn phòng công chứng Ba Đình với bà H. Sau ngày 27/9/2011, bà mới nhận được số tiền bà H cho vay nhưng chỉ được nhận 2.700.000.000đồng vì bà H đã trừ ngay 300.000.000đồng tiền lãi của tháng đầu tiên. Việc vay nợ và lãi suất 10%/tháng đều do các bên thỏa thuận miệng với nhau mà không lập văn bản. Ông, bà không nhớ thời hạn vay thỏa thuận là bao lâu mà chỉ nhớ là vay ngắn hạn. Như vậy hoàn toàn không có việc vợ chồng ông, bà bán nhà cho bà H.

Quá trình thực hiện trả tiền vay, bà M đã trả cho bà H nhiều lần, tính đến ngày 18/6/2015 đã trả được 2.921.000.000đồng tiền mặt và tiền gán bán 01 máy lu, 01 máy đào xây dựng trị giá 1.144.000.000đồng. Tổng số tiền đã thanh toán cho bà H tính đến ngày 18/6/2015 là 4.065.000.000 đồng.

Ông Cường, bà M xác nhận đã 04 lần chuyển khoản trả cho bà H tổng số tiền là 1.200.000.000 đồng. Ngoài ra bà M còn trả tiền cho bà H thông qua ba người cùng nhóm cho vay của bà H là ông Đỗ Thanh Nghị, anh Lê Bình và chị Nguyễn Thị Thanh Hằng. Những người này đi cùng và được bà H chỉ định họ viết giấy biên nhận tiền với bà. Vì lý do tin tưởng nên bà không yêu cầu bà H ký vào những giấy biên nhận này. Bà Hà cũng không có giấy ủy quyền cho những người này nhận tiền thay.

Bà Mai xác nhận có thay mặt Công ty ĐC tham gia các cuộc họp tại Sở giao thông vận tải tỉnh Vĩnh Long để bàn về vấn đề công nợ đối với các khách hàng. Bà Hà không có liên quan gì đối với công trình đường 907 nhưng vẫn tham gia để giải quyết công nợ cá nhân. Vì lý do để lấy được tiền của chủ đầu tư nên bà đã phải thỏa hiệp ký biên bản làm việc. Thực tế từ số tiền được giải ngân của chủ đầu tư bà cũng đã trả cho bà H 1.200.000.000đồng. Số tiền được giải ngân để trả nợ cho các khách hàng liên quan đến công trình mà không phải để giải quyết nợ cá nhân nên bà đã không tiếp tục trả nợ cho bà H theo thỏa thuận tại biên bản cuộc họp ngày 15/4/2015 và cũng không nhận giải ngân số tiền còn lại của Sở giao thông vận tải tỉnh Vĩnh Long. Việc không tiếp tục thực hiện thỏa thuận bà đã báo bằng miệng cho bà H.

Như vậy thực tế ông, bà không bán nhà như Hợp đồng đặt cọc số 37/2011/HĐĐC ngày 27/9/2011 và đã thanh toán vượt số tiền nợ cho bà H, ông C, bà M không đồng ý yêu cầu khởi kiện của Hà.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1. Công ty Cổ phần đầu tư xây dựng và Thương mại ĐC nay là Công ty cổ phần ĐC DC (gọi tắt là Công ty ĐC) và người đại diện theo ủy quyền trình bày:

Công ty ĐC xác nhận có sử dụng số tiền 3.000.000.000đồng của bà H dùng vào việc kinh doanh của Công ty. Hiện Công ty đang còn số tiền 2.225.375.000đồng tiền thi công công trình do Sở Giao thông vận tải tỉnh Vĩnh Long làm chủ đầu tư đang bị phong tỏa tại Kho bạc Nhà nước tỉnh Vĩnh Long. Việc vay nợ giữa ông C, bà M và bà H là quan hệ cá nhân, không liên quan đến Công ty ĐC. Nay bà H yêu cầu phong tỏa số tiền của Công ty ĐC dẫn đến việc đầu

năm 2016, Công ty ĐC phải đi vay 2.200.000.000 đồng với mức lãi suất 18%/năm của người khác để phục vụ hoạt động kinh doanh và đến ngày 31/11/2017 lãi vay phải trả là 895.327.399 đồng. Đây là khoản thiệt hại phát sinh thực tế của Công ty ĐC từ việc đề nghị và ra Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời trái pháp luật, nên ngày 20/12/2017, Công ty ĐC đã có Đơn yêu cầu độc lập, yêu cầu Tòa án tuyên hủy Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 178/2016/QĐBPKCTT ngày 26/01/2016 của Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long; Yêu cầu Tòa án xác định lỗi của cá nhân hoặc pháp nhân có liên quan và yêu cầu người có lỗi phải bồi thường số tiền 895.327.399 đồng cho Công ty ĐC.

2. Tại công văn số 85/TA ngày 05/3/2018, Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long có ý kiến như sau:

Việc Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long ra Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 178/2016/QĐBPKCTT ngày 26/01/2016 là đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nay vụ án đã được Tòa án nhân dân quận Cầu Giấy thụ lý giải quyết thì việc xem xét quyết định giữ nguyên, hủy bỏ hay thay đổi là thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân quận Cầu Giấy. Do đây không phải là quyết định hành chính cá biệt nên Tòa án nhân dân thành Phố Vĩnh Long đề nghị không đưa vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan.

3. Sở Giao thông Vận tải tỉnh Vĩnh Long trình bày:

Tại công văn số 1248/SGTVT ngày 07/9/2018, Sở Giao thông Vận tải tỉnh Vĩnh Long xác nhận việc Công ty ĐC là nhà thầu thi công gói thầu 81, 82 đường tỉnh 907 do Sở giao thông vận tải tỉnh Vĩnh Long làm chủ đầu tư. Tại cuộc họp ngày 15/4/2015, bà Lâm Thị Thanh M được sự ủy quyền của ông Ngô Tuấn C là người đại diện theo pháp luật của Công ty ĐC đã tham gia cuộc họp để giải quyết công nợ. Tại cuộc họp các bên đã thỏa thuận thanh toán công nợ theo lộ trình. Chủ đầu tư dự án đang tạm giữ tại kho bạc nhà nước tỉnh Vĩnh Long số tiền Công ty ĐC được thanh toán là 2.180.867.500 đồng và hiện đang bị phong tỏa theo Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 178/2016/QĐBPKCTT ngày 26/01/2016 của Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long. Sở giao thông vận tải tỉnh Vĩnh Long chỉ chấp nhận thanh toán theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 33/2018/DSST ngày 15/11/2018 của Tòa án nhân dân quận Cầu Giấy, Hà Nội đã xét xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Thanh H. Buộc ông Ngô Tuấn C và bà Lâm Thị Thanh M phải thanh toán cho bà Nguyễn Thị Thanh H các

khoản sau: 1.800.000.000 đồng tiền đặt cọc và 3.000.000.000 đồng tiền phạt do không thực hiện Hợp đồng đặt cọc số 37/2011/HĐĐC ký ngày 27/9/2011 tại Văn phòng công chứng Ba Đình; tổng cộng là 4.800.000.000 đồng.

2. Xác định Công ty cổ phần ĐC DC (tên gọi cũ là Công ty cổ phần tư vấn đầu tư xây dựng và thương mại ĐC) đã nhận chuyển giao nghĩa vụ thanh toán cho bà Nguyễn Thị Thanh H bằng số tiền thi công tính lộ 907 được Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông Sở giao thông vận tải tỉnh Vĩnh Long quyết toán.

Bà Nguyễn Thị Thanh H được quyền nhận số tiền 2.198.480.000 đồng tại tài khoản số 3741.0.9007209.92999 của Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông - Sở giao thông vận tải tỉnh Vĩnh Long tại Kho bạc Nhà nước tỉnh Vĩnh Long.

Ông Ngô Tuấn C và bà Lâm Thị Thanh M còn phải thanh toán cho bà Nguyễn Thị Thanh H số tiền còn thiếu theo nghĩa vụ thanh toán là: 2.601.520.000 đồng (*hai tỷ sáu trăm linh một triệu năm trăm hai mươi nghìn đồng chẵn*).

3. Bác Đơn yêu cầu độc lập của Công ty cổ phần ĐC DC yêu cầu hủy Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 178/2016/QĐBPKCTT ngày 26/01/2016 của Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long; yêu cầu bà Nguyễn Thị Thanh H, Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long và Sở giao thông vận tải tỉnh Vĩnh Long phải bồi thường thiệt hại là 895.327.399 đồng.

4. Tiếp tục duy trì Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 178/2016/QĐBPKCTT ngày 26/01/2016 của Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long.

Ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật, Quyết định buộc thực hiện biện pháp đảm bảo số 176/2016/QĐBPĐB ngày 26/01/2016 của Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long hết hiệu lực và bà Nguyễn Thị Thanh H được nhận lại khoản tiền 1.800.000.000 đồng đã nộp tại Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng.

Ngoài ra bản án còn tuyên về phần án phí, quyền kháng cáo và nghĩa vụ thi hành án của các đương sự.

Không đồng ý với bản án sơ thẩm, ngày **28/11/2018**, bị đơn ông Ngô Tuấn C, bà Lâm Thị Thanh M và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Công ty Cổ phần ĐC DC có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét sửa bản án sơ thẩm, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; tuyên bố Hợp đồng đặt cọc số 37/2011/HĐĐC ngày 27/9/2011 vô hiệu; hủy

Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 178/2016/QĐPKCTT ngày 26/01/2016 của Toà án nhân dân thành phố Vĩnh Long; Buộc bà Nguyễn Thị Thanh H, Toà án nhân dân thành phố Vĩnh Long và Sở Giao thông vận tải tỉnh Vĩnh Long phải bồi thường thiệt hại số tiền là 895.327.399đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Người đại diện theo uỷ quyền của bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Công ty ĐC giữ nguyên nội dung kháng cáo và đề nghị huỷ bản án sơ thẩm.

Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Công ty ĐC, sau khi trình bày quan điểm bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho Công ty ĐC đã đề nghị Hội đồng xét xử huỷ bản án sơ thẩm do Tòa án nhân dân quận Cầu Giấy vi phạm thủ tục tố tụng về thẩm quyền giải quyết vụ án; giải quyết vụ án vượt quá yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; xác định sai quan hệ pháp luật tranh chấp; Hợp đồng đặt cọc là hợp đồng giả tạo nhằm che dấu giao dịch vay nợ giữa bà H với ông C, bà M; khoản tiền bị phong tỏa là tiền của Công ty ĐC không phải là tiền của ông C, bà M; pháp luật không có quy định nào quy định về việc chuyển giao quyền và nghĩa vụ cho pháp nhân.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Những người tiến hành tố tụng và những người tham gia tố tụng chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Về nội dung:

- Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Theo Hợp đồng đặt cọc mua, bán nhà, bà Nguyễn Thị Thanh H và vợ chồng ông Ngô Tuấn C, bà Lâm Thị Thanh M thỏa thuận, nếu có tranh chấp xảy ra thì Tòa án nơi bà H cư trú là cơ quan có thẩm quyền giải quyết, nhưng sau đó bà H có đơn khởi kiện gửi đến Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long yêu cầu ông C và bà M phải trả lại tiền đặt cọc. Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long đã thụ lý đơn yêu cầu của bà H, sau đó ra quyết định chuyển vụ án về cho Tòa án nhân dân quận Cầu Giấy, Hà Nội là nơi ông C, bà M cư trú để giải quyết theo thẩm quyền. Quá trình Tòa án nhân dân quận Cầu Giấy giải quyết vụ án, bà H, ông C, bà M đều không yêu cầu Tòa án nhân dân quận Ba Đình giải quyết theo thỏa thuận trước đó, vẫn đồng ý để Tòa án nhân dân quận Cầu Giấy thụ lý, giải quyết theo quy định tại khoản 1 Điều 39 BLTTDS, do đó việc Tòa án nhân dân quận Cầu Giấy thụ lý, giải quyết vụ án là đúng.

- Không có căn cứ xác định việc ký hợp đồng đặt cọc là giả tạo để che giấu việc vay mượn tiền giữa nguyên đơn và bị đơn. Hợp đồng đặt cọc ký ngày 27/9/2011 và được công chứng tại Văn phòng công chứng Ba Đình giữa bà H với vợ chồng bà M, ông C thể hiện rõ nội dung các bên ký kết là hoàn toàn tự nguyện. Bà Mai đã viết giấy nhận của bà H 3 tỷ đồng. Sau khi trả nợ xong ngân hàng và làm thủ tục giải chấp nhà, đất tại số 18 tổ 19 khu Văn công Mai Dịch, bà M, ông C đã bán nhà cho người khác. Vì bà M, ông C vi phạm hợp đồng đặt cọc đã ký kết với bà H nên căn cứ khoản 2 Điều 358 BLDS 2005, Toà án cấp sơ thẩm buộc ông C, bà M phải trả cho bà H 1.800.000.000 đồng tiền đặt cọc còn thiếu và 3.000.000.000 đồng tiền phạt cọc do không thực hiện Hợp đồng phạt cọc số 37/2011/HĐ ĐC ký ngày 27/9/2011 là hoàn toàn có căn cứ.

- Về việc chuyển giao nghĩa vụ thanh toán cho Công ty ĐC: Mặc dù việc ký hợp đồng đặt cọc mua bán nhà là việc của cá nhân bà H với bà M, ông C, nhưng do Công ty ĐC đã sử dụng số tiền đặt cọc nêu trên vào dự án tỉnh lộ 907 do Sở Giao thông vận tải tỉnh Vĩnh Long là chủ đầu tư nên Công ty ĐC đã có nghĩa vụ phải trả cho bà H số tiền đặt cọc mà Công ty sử dụng theo đúng cam kết ngày 15/4/2015. Tuy nhiên, tại cam kết ngày 15/4/2015, Công ty chỉ nhận trách nhiệm trả cho bà H 3 tỷ đồng tiền đặt cọc và đã trả 1,2 tỷ đồng. Công ty chỉ có trách nhiệm trả cho bà H 1,8 tỷ đồng còn thiếu so với cam kết, số tiền 3 tỷ đồng phạt đặt cọc ông C, bà M có trách nhiệm phải thanh toán.

- Đối với yêu cầu bồi thường thiệt hại 895.327.399 đồng do bị Toà án nhân dân thành phố Vĩnh Long quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 178/2016/QĐBPKCTT ngày 26/1/2016. Xét thấy Công ty có trách nhiệm phải trả nợ cho bà H 1,8 tỷ đồng và số tiền trong tài khoản mà Toà án nhân dân thành phố Vĩnh Long áp dụng biện pháp phong tỏa lớn hơn số tiền Công ty phải trả là 398.480.000 đồng, vì vậy chỉ có thể chấp nhận thanh toán thiệt hại cho Công ty đối với số tiền vượt quá này. Do Quyết định áp dụng BPKCTT số 178/2016/QĐBPKCTT ngày 26/1/2016 của Toà án nhân dân thành phố Vĩnh Long được thực hiện theo yêu cầu của bà H, vì vậy bà H có trách nhiệm phải thanh toán cho Công ty ĐC khoản tiền trả lãi trên số tiền bị áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời vượt quá theo quy định tại khoản 1 Điều 101 BLTTDS 2004.

Với những phân tích nêu trên, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 308 BLTTDS, chấp nhận một phần kháng cáo của Công ty ĐC, sửa bản án sơ thẩm của Toà án nhân dân quận Cầu Giấy.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận công khai tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về tố tụng:

Ông Ngô Tuấn C, bà Lâm Thị Thanh M và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Công ty ĐC có đơn kháng cáo trong thời hạn luật định, đã nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm nên xác định là hợp lệ.

Tại phiên toà phúc thẩm, bị đơn - ông C, bà M và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Công ty ĐC vắng mặt, tuy nhiên có văn bản uỷ cho ông Bùi Doãn Sâm làm người đại diện tham gia tố tụng tại phiên toà. Hội đồng xét xử sau khi xem xét, xác định văn bản uỷ quyền của ông C, bà M và Công ty ĐC là hợp pháp nên chấp nhận tư cách của ông Bùi Doãn Sâm là người đại diện theo uỷ quyền của bị đơn - ông C, bà M và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là Công ty ĐC.

Đối với những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan khác trong vụ án đã được Toà án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự Toà án tiến hành xét xử theo quy định của pháp luật.

2. Về Nội dung:

2.1 Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Căn cứ vào lời trình bày của đương sự, các tài liệu chứng cứ do các đương sự giao nộp và Toà án thu thập được thể hiện:

Ngày 27/9/2011, bà H cùng vợ chồng ông C, bà M đã ký Hợp đồng đặt cọc số 37/2011/HĐĐC, trên cơ sở đó bà H đã đặt cọc số tiền 3.000.000.000đồng để mua nhà, đất tại địa chỉ số 19, Tổ 18 Tập thể Văn công quân đội, phường Mai Dịch, quận Cầu Giấy, Hà Nội, thuộc quyền sở hữu và sử dụng của ông C và bà M. Trong hợp đồng đặt cọc hai bên thoả thuận: *Trong thời gian từ ngày 27/9/2011 đến 27/12/2011 ông C, bà M sẽ làm thủ tục theo quy định của pháp luật...sau đó cùng bà H lập Hợp đồng chuyển nhượng và giao Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất cho bà H.* Tuy nhiên ngày 30/11/2011 ông C, bà M đã chuyển nhượng nhà đất nêu trên cho người khác.

Phía bị đơn - ông C, bà M trình bày, việc ký kết Hợp đồng đặt cọc là do vợ chồng ông C, bà M vay tiền của bà H nên phải ký Hợp đồng đặt cọc bán nhà theo yêu cầu của bà H. Việc ký Hợp đồng đặt cọc là giao dịch giả tạo để che giấu việc bà H cho vợ chồng ông C, bà M vay tiền và phải trả lãi. Tuy nhiên ông C, bà M

không đưa ra được tài liệu, chứng cứ chứng minh có sự vay nợ giữa bà H với vợ chồng ông C, bà M và hợp đồng đặt cọc là giao dịch giả tạo để che giấu việc cho vay tiền như bị đơn đã trình bày.

Về hình thức, Hợp đồng đặt cọc được các bên ký kết và công chứng tại Văn phòng Công chứng Ba Đình, tại thời điểm ký kết các bên có đầy đủ năng lực và hành vi dân sự. Nội dung các bên thoả thuận trong hợp đồng không vi phạm điều cấm, không trái đạo đức xã hội, không bị ép buộc, lừa dối, phù hợp với điều kiện có hiệu lực của giao dịch dân sự quy định tại Điều 122 Bộ luật dân sự 2005 nên các bên tham gia ký kết có quyền và nghĩa vụ thực hiện.

Do xác định giao dịch giữa các bên là giao dịch đặt cọc nên khi có tranh chấp phải căn cứ vào các quy định của pháp luật về đặt cọc để giải quyết. Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ các quy định của pháp luật về đặt cọc để giải quyết vụ án là đúng nhưng trong phần xác định quan hệ pháp luật tranh chấp lại ghi tranh chấp đòi tài sản là chưa chính xác, Tòa án cấp phúc thẩm cần xác định lại cho đúng với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Trình bày của người đại diện theo uỷ quyền của bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan tại phiên toà phúc thẩm đối với nội dung này là có căn cứ chấp nhận.

Tại Điều 5.3 Hợp đồng đặt cọc số 37/2011/HĐĐC ngày 27/9/2011, các bên thoả thuận: *...Nếu đến ngày 27/12/2011 ông C, bà M chưa làm xong các thủ tục...mà không chuyển nhượng, mua bán quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và các tài sản khác gắn liền với đất nêu trên thì ông C, bà M sẽ phải trả lại cho bà H số tiền 3.000.000.000đồng là số tiền đặt cọc và phải chịu phạt số tiền 3.000.000.000đồng.*

Ông Cường, bà M xác nhận đã ký Hợp đồng đặt cọc và nhận 3.000.000.000đồng đặt cọc của bà H, tuy nhiên không thể thực hiện được ký hợp đồng chuyển nhượng, mua bán nhà đất nêu trên là do ông C, bà M đã chuyển nhượng nhà đất nêu trên cho người khác, do vậy xác định lỗi hoàn toàn thuộc về phía bị đơn - ông C, bà M. Căn cứ vào thoả thuận trong hợp đồng thì ông C, bà M phải trả lại cho bà H số tiền 3.000.000.000đồng là số tiền đặt cọc và phải chịu phạt cọc số tiền 3.000.000.000đồng.

Căn cứ trình bày của các bên đương sự và các văn bản chứng từ chuyển tiền thể hiện, từ ngày 05/05/2015 đến ngày 18/6/2015 bà M chuyển trả cho bà H tổng cộng là 1.200.000.000đồng. Bà Mai trình bày đã trả cho bà H nhiều hơn số tiền này thông qua anh Đỗ Thanh Nghị, anh Lê Bình và chị Nguyễn Thị Thanh Hằng là

nhóm những người cho vay tiền cùng với bà H, tuy nhiên quá trình giải quyết vụ án, Toà án cấp sơ thẩm đã tiến hành thu thập chứng cứ, anh Đỗ Thanh Nghị, anh Lê Bình và chị Nguyễn Thị Thanh Hằng trình bày không có việc nhận ủy quyền của bà H để nhận khoản tiền nào của bà M cũng như từ Công ty ĐC. Các giấy biên nhận và Hợp đồng chuyển giao máy móc do Công ty ĐC và bà M xuất trình là việc riêng của anh Nghị, anh Bình, chị Hằng với Công ty ĐC, không liên quan đến bà H. Như vậy lời trình bày của bà M là đã trả tiền cho bà H thông qua anh Nghị, anh Bình, chị Hằng là không có cơ sở chấp nhận.

Do vậy bà H khởi kiện yêu cầu ông C, bà M phải trả số tiền còn thiếu và thực hiện nghĩa vụ như đã cam kết trong hợp đồng đặt cọc là có căn cứ.

Tại phiên toà phúc thẩm, người đại diện theo uỷ quyền của bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Công ty ĐC cho rằng, Toà án nhân dân quận Cầu Giấy giải quyết vụ án là không đúng thẩm quyền; giải quyết vượt quá yêu cầu khởi kiện của đương sự, Hội đồng xét xử xét thấy:

- Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Theo Hợp đồng đặt cọc số 37/2011/HĐĐC ngày 27/9/2011 các bên thoả thuận, nếu có tranh chấp xảy ra thì Toà án nơi giải quyết là nơi bà H cư trú (*Toà án nhân dân quận Ba Đình*), tuy nhiên bà H có đơn khởi kiện gửi đến Toà án nhân dân thành phố Vĩnh Long yêu cầu ông C và bà M phải thực hiện nghĩa vụ theo thoả thuận tại Hợp đồng đặt cọc. Sau khi thụ lý vụ án, xác định nơi đăng ký hộ khẩu thường trú của ông C, bà M tại số 19, Tổ 18 Tập thể Văn công quận đội, phường Mai Dịch, quận Cầu Giấy, Hà Nội nên Toà án nhân dân thành phố Vĩnh Long ra quyết định chuyển vụ án về cho Toà án nhân dân quận Cầu Giấy để giải quyết theo thẩm quyền. Trong suốt quá trình Toà án nhân dân quận Cầu Giấy giải quyết vụ án, bà H, ông C, bà M đều không có ý kiến, khiếu nại hay yêu cầu Toà án nhân dân quận Cầu Giấy phải chuyển vụ án về Toà án nhân dân quận Ba Đình giải quyết theo thoả thuận trong Hợp đồng đặt cọc trước đó, như vậy được xác định là đã đồng ý để Toà án nhân dân quận Cầu Giấy giải quyết vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 39 BLTTDS. Tại phiên toà phúc thẩm người đại diện theo uỷ quyền của bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Công ty ĐC mới có ý kiến này nên Hội đồng xét xử không có căn cứ chấp nhận.

- Đối với việc giải quyết yêu cầu khởi kiện: Tại Đơn khởi kiện đề ngày 22/01/2016, Đơn khởi kiện bổ sung ngày 25/01/2016, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tài liệu, chứng cứ giao nộp tại Toà án cấp sơ thẩm. Bà Hà đều

trình bày căn cứ để khởi kiện đối với ông C, bà M là do ông C, bà M vi phạm thoả thuận đã cam kết trong hợp đồng đặt cọc dẫn đến việc không thể thực hiện được ký kết hợp đồng chuyển nhượng, mua bán nhà đất tại số 19, Tổ 18 Tập thể Văn công quân đội, phường Mai Dịch, quận Cầu Giấy, Hà Nội, thuộc quyền sở hữu, sử dụng của ông C, bà M, trên cơ sở đó bà H khởi kiện và yêu cầu ông C, bà M phải thực hiện nghĩa vụ như đã cam kết trong Hợp đồng đặt cọc.

Như đã phân tích ở nội dung nêu trên, giao dịch giữa nguyên đơn và bị đơn trong vụ án này là giao dịch đặt cọc nên khi có tranh chấp phải căn cứ các quy định của pháp luật về đặt cọc để giải quyết vụ án. Tòa án cấp sơ thẩm đã căn cứ các thoả thuận trong hợp đồng đặt cọc giữa bà H và ông C, bà M để giải quyết vụ án là đúng và trong phạm vi khởi kiện. Do vậy bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Công ty ĐC cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết vượt quá yêu cầu khởi kiện là không có căn cứ chấp nhận.

2.2. Xét yêu cầu độc lập của Công ty ĐC:

Công ty cổ phần ĐC DC (tên gọi cũ là Công ty cổ phần tư vấn đầu tư xây dựng và thương mại ĐC) được thành lập ngày 28/4/2003, do ông Ngô Tuấn C là Chủ tịch Hội đồng quản trị và là người đại diện theo pháp luật. Bà Lâm Thị Thanh M, vợ ông Ngô Tuấn C làm Phó giám đốc Công ty. Tại Bản cam kết ngày 04/12/2013, ông C, bà M xác nhận đã ký hợp đồng đặt cọc bán nhà cho bà H, số tiền nhận đặt cọc 3.000.000.000đồng ông C, bà M đã dùng để đầu tư vào dự án xây dựng đường tỉnh lộ 907 tỉnh Vĩnh Long do Sở Giao thông vận tải tỉnh Vĩnh Long làm chủ đầu tư, đồng thời cam kết trong tháng 12/2013 sẽ dùng tiền được thanh toán của dự án để trả cho bà H. Ngày 04/3/2015, theo Giấy ủy quyền của đại diện theo pháp luật của Công ty ĐC, bà M đã tham gia cuộc họp ngày 15/4/2015 với chủ đầu tư và những người liên quan (trong đó có bà H) để thỏa thuận về số tiền được chủ đầu tư là Sở Giao thông vận tải tỉnh Vĩnh Long thanh toán và lộ trình Công ty ĐC thanh toán trả cho bà H khoản tiền đã đặt cọc mua nhà của ông C, bà M. Do Công ty ĐC không thực hiện đúng cam kết tại cuộc họp nêu trên nên bà H đã có đơn khởi kiện, đồng thời yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời là phong tỏa số tiền 2.198.480.000đồng của Công ty ĐC được chủ đầu tư thanh toán. Căn cứ theo yêu cầu của nguyên đơn, Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long đã ra Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 178/2016/QĐBPCKTT ngày 26/01/2016, phong tỏa số tiền 2.198.480.000đồng tại tài khoản số 3741.0.9007209.92999 của Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng các

công trình giao thông thuộc Sở giao thông vận tải tỉnh Vĩnh Long tại Kho bạc Nhà nước tỉnh Vĩnh Long.

Xét thấy căn cứ thỏa thuận của đại diện hợp pháp Công ty ĐC là người đã sử dụng tiền đặt cọc của bà H để đầu tư vào dự án xây dựng đường tỉnh lộ 907 tỉnh Vĩnh Long, đồng thời là người có nghĩa vụ hoàn trả tiền đã nhận đặt cọc của bà H. Tại phiên tòa sơ thẩm, bà M cũng xác nhận vợ chồng bà là cổ đông chính của Công ty ĐC, tiền vợ chồng bà nhận đặt cọc của bà H dùng để phục vụ hoạt động của Công ty và không tách biệt tiền chung, tiền riêng. Lời trình bày của bà M phù hợp với nội dung các bên đã thỏa thuận tại Biên bản cuộc họp ngày 15/4/2015 tại Sở giao thông vận tải tỉnh Vĩnh Long và cam kết ngày 04/12/2013. Thực tế số tiền 1.200.000.000đồng vợ chồng bà M trả cho bà H là khoản tiền được chủ đầu tư giải ngân cho Công ty ĐC và Công ty ĐC đã thực hiện cam kết theo nội dung biên bản cuộc họp ngày 15/4/2015. Do vậy việc Công ty ĐC nhận trả tiền cho bà H theo biên bản cuộc họp ngày 15/4/2015 được xác định là Công ty ĐC đã nhận chuyển giao nghĩa vụ thanh toán khoản nợ của ông C, bà M cho bà H, giới hạn trong khoản tiền thi công đường tỉnh lộ 907 được chủ đầu tư quyết toán. Mặt khác phải xác định số tiền bà H đã đặt cọc mua nhà, đất được ông C, bà M đầu tư vào dự án xây dựng đường tỉnh lộ 907 thuộc Sở Giao thông vận tải tỉnh Vĩnh Long do ông C là Chủ tịch Hội đồng quản trị và bà M là Phó Giám đốc Công ty là những người có cổ phần chính trong Công ty. Do vậy, bà H khởi kiện và đề nghị Tòa án áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà là đúng và có căn cứ.

Tại Văn bản số 837/TL-TATP, ngày 26/10/2017, Chánh án Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long đã trả lời khiếu nại của Công ty ĐC và xác định, việc Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long ra Quyết định số 178/2016/QĐBPKCTT ngày 26/01/2016, phong tỏa số tiền 2.198.480.000đồng là đúng quy định của pháp luật. Do vậy, Tòa án nhân dân quận Cầu Giấy không chấp nhận yêu cầu độc lập của Công ty ĐC về việc hủy Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 178/2016/QĐBPKCTT ngày 26/01/2016 của Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long và yêu cầu bồi thường thiệt hại là có căn cứ. Tòa án cấp phúc thẩm không có cơ sở chấp nhận yêu cầu kháng cáo của Công ty ĐC đối với nội dung này.

Do Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 178/2016/QĐBPKCTT ngày 26/01/2016 của Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long là đúng quy định của pháp luật nên bà H có quyền được nhận số tiền

2.198.480.000 đồng của Công ty ĐC đang bị phong tỏa tại kho bạc Nhà nước tỉnh Vĩnh Long. Ông Cường, bà M tiếp tục có nghĩa vụ thanh toán cho bà H số tiền còn lại là 4.800.000.000 đồng - 2.198.480.000 đồng = 2.601.520.000 đồng.

2.3 Xét việc xác định tư cách tố tụng của Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long

Do có yêu cầu đòi bồi thường thiệt hại của Công ty ĐC về việc bị áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời, nên Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long là cơ quan áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời và đưa vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

Xét thấy, việc Tòa án cấp sơ thẩm xác định Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là không đúng quy định của pháp luật. Căn cứ quy định của Luật trách nhiệm bồi thường của Nhà nước thì việc yêu cầu giải quyết bồi thường thiệt hại đối với người thi hành công vụ gây ra trong hoạt động quản lý hành chính, **tố tụng** và thi hành án phải được giải quyết theo trình tự, thủ tục của Luật trách nhiệm bồi thường của Nhà nước, không phải theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự nên không giải quyết trong cùng vụ án dân sự này. Quan điểm của Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long đề nghị không đưa vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là có căn cứ, Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm và xác định Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long không phải là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

Đối với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội về việc buộc bà H phải trả lãi trên số tiền bị áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời vượt quá là 398.480.000 đồng là không có cơ sở chấp nhận. Những nội dung khác phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

3. Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận, nên nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và được hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp. Bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Do sửa án sơ thẩm nên ông C, bà M và Công ty ĐC không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ vào khoản 1 điều 281, điều 304, điều 315, điều 316 và điều 358 Bộ luật dân sự năm 2005;

Căn cứ Pháp lệnh án phí, lệ phí số 10/2009 ngày 27/2/2009 của UBTVQH quy định về án phí, lệ phí Tòa án; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Sửa bản án sơ thẩm số 33/2018/DS-ST ngày 15/11/2018 của Tòa án nhân dân quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội về việc xác định quan hệ pháp luật tranh chấp và xác định tư cách của người tham gia tố tụng.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Thanh H. Buộc ông Ngô Tuấn C và bà Lâm Thị Thanh M phải thanh toán cho bà Nguyễn Thị Thanh H các khoản sau: 1.800.000.000 đồng tiền đặt cọc và 3.000.000.000 đồng tiền phạt cọc do không thực hiện Hợp đồng đặt cọc số 37/2011/HĐĐC ký ngày 27/9/2011 tại Văn phòng công chứng Ba Đình. Tổng cộng là 4.800.000.000 đồng.

2. Xác định Công ty cổ phần ĐC DC (tên gọi cũ là Công ty cổ phần tư vấn đầu tư xây dựng và thương mại ĐC) đã nhận chuyển giao nghĩa vụ thanh toán của ông C, bà M cho bà Nguyễn Thị Thanh H bằng số tiền thi công đường tỉnh lộ 907 được Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông Sở giao thông vận tải tỉnh Vĩnh Long quyết toán trả.

Bà Nguyễn Thị Thanh H được quyền nhận số tiền 2.198.480.000 đồng tại tài khoản số 3741.0.9007209.92999 của Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông - Sở giao thông vận tải tỉnh Vĩnh Long tại Kho bạc Nhà nước tỉnh Vĩnh Long.

Ông Ngô Tuấn C và bà Lâm Thị Thanh M còn phải thanh toán cho bà Nguyễn Thị Thanh H số tiền còn thiếu theo nghĩa vụ thanh toán là: 2.601.520.000 đồng (*hai tỷ sáu trăm linh một triệu năm trăm hai mươi nghìn đồng chẵn*).

3. Bác Đơn yêu cầu độc lập của Công ty cổ phần ĐC DC yêu cầu hủy Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 178/2016/QĐBPKCTT ngày 26/01/2016 của Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long; yêu cầu bà Nguyễn Thị Thanh H, Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long và Sở giao thông vận tải tỉnh Vĩnh Long phải bồi thường thiệt hại là 895.327.399 đồng.

4. Tiếp tục duy trì Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 178/2016/QĐBPCKTT ngày 26/01/2016 của Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long để đảm bảo thi hành án.

Ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật, Quyết định buộc thực hiện biện pháp đảm bảo số 176/2016/QĐBPĐB ngày 26/01/2016 của Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long hết hiệu lực, bà Nguyễn Thị Thanh H được nhận lại khoản tiền đảm bảo là 1.800.000.000đồng gửi trong sổ tiết kiệm số TV1696660, mở ngày 25/01/2016 tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Nam thịnh Vượng đứng tên bà Nguyễn Thị Thanh H, đã được Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Nam thịnh Vượng phong tỏa tại tài khoản LD1602500137 ngày 27/01/2016.

5. Xác định Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long không phải là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án này.

6. Về án phí: Nguyên đơn - bà Nguyễn Thị Thanh H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 37.240.000đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Vĩnh Long theo Biên lai thu số 028378 ngày 26/01/2016.

Đồng bị đơn - ông C, bà M phải chịu 84.030.400đồng án phí dân sự sơ thẩm và không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, số tiền 300.000đồng tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm mỗi người đã nộp theo biên lai số 6525, 6526 ngày 10/12/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Cầu Giấy được trừ vào số tiền án phí dân sự sơ thẩm. Số tiền án phí còn phải nộp là 83.430.400đồng.

Công ty ĐC phải chịu 38.859.800 đồng án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu độc lập không được chấp nhận và không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Số tiền 19.430.000đồng tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm và 300.000 đồng tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp theo biên lai số 5625 ngày 15/01/2018 và biên lai số 6527 ngày 10/12/2018, tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Cầu Giấy được trừ vào số tiền án phí dân sự sơ thẩm. Số tiền án phí còn phải nộp tiếp là 19.129.800đồng.

7. Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (Đối với trường hợp cơ quan thi hành án có thẩm quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (Đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ Luật dân sự năm 2015.

8. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành theo quy định các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại các Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai phúc thẩm, có hiệu lực thi hành kể từ ngày tuyên án./.

CÁC THẨM PHÁN

THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ